

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thúy V, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp D, xã V A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Ông Trần Nhựt Th, sinh năm 1978 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp B 2, xã A , huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 20/3/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Tạ Thúy V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Nhựt Th kết hôn vào năm 2017, hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu ngày 11/7/2016. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, bắt đầu đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay; Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà yêu cầu ly hôn với ông Th vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Phước L sinh ngày 25/5/2017, cháu L do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

* Tại bản tự khai ngày 13/4/2018, đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và xét xử ngày 11/6/2018 và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Nhựt Th trình bày: Ông thống nhất với bà V về thời gian và điều kiện kết hôn. Hôn giữa ông và bà V có đăng đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu ngày 11/7/2016. Sau khi cưới vợ chồng ông về sống chung với gia đình của bà V. Do đó, nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như bà V trình bày, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là không thống nhất nhau về nơi sinh sống và nơi làm ăn. Khi vợ chồng ông về nhà cha mẹ ruột ông sống thì bà V bỏ nhà đi về nhà cha mẹ ruột bà V sống từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian này, ông có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau lo cho con, nhưng bà V không đồng ý. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà V, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Phước L sinh ngày 25/5/2017, cháu L do bà V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có thay đổi một phần về nội dung khởi kiện về tài sản chung vợ chồng: Trong quá trình chung sống giữa bà V và ông Th có tài sản chung là vàng cưới. Nay bà không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, bà và ông Th sẽ thỏa thuận giải quyết với nhau. Về hôn nhân vẫn yêu cầu ly hôn; Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/6/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 *Về quan hệ tranh chấp:* Bà Tạ Thúy V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Trần Nhựt Th có nơi cư trú tại tổ 5, ấp B 2, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các thông báo văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ông Th có văn bản trình bày ý kiến ngày 13/4/2018 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên, ngày 11/6/2018 ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Tạ Thúy V và ông Trần Nhật Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu ngày 11/7/2016 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Th là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông Th. Mục đích tạo điều kiện cho bà V, ông Th được đoàn tụ; Tuy nhiên, bà V vẫn giữ yêu cầu ly hôn; Ông Th có đơn ngày 11/6/2018 xin vắng mặt hòa giải và xét xử tại Tòa, ông đồng ý ly hôn. Điều này, thể hiện ông Th không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, giữa bà V và ông Th ly thân nhau từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, bà V vẫn không tạo điều kiện cho ông Th hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Như vậy cả bà V và ông Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014. Do đó, yêu cầu của bà V có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Bà V và ông Th có 01(một) con chung tên Trần Phước L sinh ngày 25/5/2017, cháu L do bà V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà V yêu cầu tiếp tục nuôi con vì cháu L còn nhỏ, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng. Ông Th đồng ý giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cháu L dưới 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ do đó Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của bà V phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 nên được xem xét chấp nhận. Đồng thời, bà V phải tạo điều kiện cho ông Th được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Ông Th không cấp dưỡng nuôi con, do bà V không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà V, ông Th có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thúy V. Bà Tạ Thúy V được ly hôn với ông Trần Nhật Th

2. Về nuôi con chung: Bà Tạ Thúy V được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Trần Phước L sinh ngày 25/5/2017

Ông Trần Nhật Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà V không có yêu cầu.

Đồng thời bà V phải tạo điều kiện cho ông Th được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở .

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Tạ Thúy V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003390 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C , tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Tạ Thúy V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Nhật Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang